

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HỆN HIỆP HÒA  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **13/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 30/01/2022

V/v: Tranh chấp về chia tài sản sau  
khi ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Miện

2. Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân Huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89a/2021/QĐXX- ST ngày 07 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị H, sinh năm 1973

HKTT: thôn Ngọc Thành 2, xã Ngọc S, Huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Tạm trú: Thôn 8, xã Hòa Thắng, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963(có mặt)

Địa chỉ: xóm Cầu Nam, thôn Ngọc Thành 1, xã Ngọc S, Huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn S, sinh năm 1969(vắng mặt)

HKTT: thôn Ngọc Thành 2, xã Ngọc S, Huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thôn 5A, xã Ea Ô, Huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992

HKTT: thôn Ngọc Thành 2, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Tạm trú: Thôn 8, xã Hòa Thắng, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của anh L và anh T: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963(có mặt).

Địa chỉ: xóm Cầu Nam, thôn Ngọc Thành 1, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1975(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ngọc Thành 1, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ngọc Thành 2, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2018, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đào Thị H, người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Đào Thị H và ông Nguyễn Tuấn S kết hôn năm 1989 và có hai con chung là anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992, từ khi kết hôn đến năm 1992 bà H và ông S sinh sống tại thôn Ngọc Thành 2, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa, đến năm 1993 thì gia đình bà H, ông S chuyển vào thành phố Buôn Mê Thuột sinh sống. Năm 2011, bà H và ông S giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk bằng quyết định thuận tình ly hôn số 257/2011/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2011 và chưa có yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Ngày 18/12/2018 bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Hện Hiệp Hòa giải quyết phân chia tài sản chung gồm 03 thửa đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao từ năm 1992 tại xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tại thời điểm chia ruộng thì hộ gia đình bà H và ông S được chia ruộng 4 khẩu gồm: bà H, ông S, anh L và anh T, sau đó địa phương có tiến hành dồn điền, đổi thửa gia đình bà H được giao 2.046m<sup>2</sup> gồm: thửa số 196, tờ bản đồ số 66, diện tích 1401,1m<sup>2</sup> tại xứ đồng Chiêm; thửa số 146, tờ bản đồ số 67, diện tích 267,1m<sup>2</sup> và thửa số 185, tờ bản đồ số 67, diện tích 378,6m<sup>2</sup> tại xứ đồng Mùa. Các thửa đất này đều ở Thôn Ngọc Thành 2, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang do bà Nguyễn Thị M và chị Nguyễn Thị Yến đang quản lý. Nay bà H yêu cầu Tòa án chia định suất ruộng của các thành viên được chia ruộng năm 1992 của ai trả về cho người ấy.

*-Bị đơn là ông Nguyễn Tuấn S: Ông S có hộ khẩu thường trú tại xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; nơi ở hiện nay: Thôn 5A, xã EaÔ, Hện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Hện Hiệp Hòa đã ủy thác tư pháp cho Tòa án nhân dân Hện Ea Kar tiến hành lấy lời khai của bị đơn là ông S, tuy nhiên việc lấy lời khai không thực hiện được do ông S thường xuyên không có mặt tại địa phương. Kết quả làm việc với bà Lê Thị Hiền (vợ ông S) ở Thôn 5A, xã*

Ea Ô, Hện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xác định hiện ông S đi làm thợ xây tại thành phố Hồ Chí M bà không xác định được địa chỉ cụ thể. Do không thể thực hiện được việc tổng đạt các văn bản tố tụng trực tiếp cho ông S nên Tòa án nhân dân Hện Hiệp Hòa đã tiến hành thủ tục đăng tin thông báo trên báo công lý và Đài tiếng nói Việt Nam 3 số liên tiếp để đảm bảo quyền lợi của ông Nguyễn Tuấn S trong vụ án. Đến nay ông S không có ý kiến, phản hồi gì về việc giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn T (đều ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H) trình bày:* Anh L và anh T là con của ông S, bà H đều xác định được chia ruộng năm 1992 như bà H đã trình bày. Nay bà H yêu cầu Tòa án phân chia diện tích đất ruộng thì các anh cũng yêu cầu ông Nguyễn Tuấn S phải chia trả cho các anh diện tích được chia theo định suất năm 1992 cụ thể 1 định suất được chia diện tích ở xứ đồng Chiêm là 384m<sup>2</sup>; diện tích ở xứ đồng Mùa là 114m<sup>2</sup>. Đồng thời anh L và anh T đồng ý về phần tài sản (diện tích ruộng) của mình được hưởng đề nghị Tòa án giao cho bà H đứng tên quản lý, sử dụng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày:* Bà M là mẹ kế của anh S, khi Nhà nước có chủ trương chia diện tích đất nông nghiệp thì gia đình bà M được chia 3 khẩu còn gia đình anh S, chị H được chia 04 khẩu, khi chị H và anh S vào Miền Nam làm ăn, sinh sống có giao cho bà M quản lý, sử dụng; anh S chị H có 04 thửa ruộng gồm: 1 thửa tại Đồng Chiêm có diện tích 1.463m<sup>2</sup> (hiện đã ngăn làm hai ruộng); 02 thửa ruộng Đồng Mùa có diện tích là 576m<sup>2</sup> (1 thửa 360m<sup>2</sup> và 216m<sup>2</sup>) ; ngoài ra anh S, chị H còn có diện tích 73m<sup>2</sup> hiện nay diện tích này đã bị đắp đường; hiện nay bà M đang làm 01 thửa ruộng của anh S 02 sào có diện tích 720m<sup>2</sup> tại xứ đồng Chiêm; tại xứ đồng Chiêm anh S còn một nửa thửa ruộng hiện nay chị Y đang quản lý, sử dụng. Khi nào anh S đòi thì bà M trả lại và không có ý kiến gì.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Yến trình bày:* Năm 1993, anh S chị H cHện vào thành phố Buôn Mê Thuật sinh sống và có giao cho chị Y quản lý, sử dụng một phần ruộng đất năm 1992 gia đình anh S, chị H được chia theo định suất, nay chị H có yêu cầu trả lại phần ruộng đất của chị H và hai cháu là L và T thì chị Y đồng ý và không có ý kiến gì.

*Người làm chứng: Ông Nguyễn Đình Đường, sinh năm 1966 trưởng thôn Ngọc Thành 2, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa trình bày:*

Gia đình bà H và ông S trong thời kỳ hôn nhân và sinh sống tại địa phương thì được chia diện tích ruộng canh tác là 04 suất (gồm của ông S, bà H, cháu L và cháu T). Diện tích thực tế hiện nay của gia đình ông S gồm: Tại thửa 196, tờ bản đồ số 66 xã Ngọc S có diện tích 1.401,1m<sup>2</sup> (đồng Chiêm); Thửa số 146 tờ bản đồ 67, diện tích 267m<sup>2</sup> (đồng Mùa); Thửa 185 tờ bản đồ 67 diện tích 386,2m<sup>2</sup>.

*\*.Kết quả thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:*

Ngày 24/11/2021, tại biên bản định giá tài sản xác định: số diện tích đất của ông S và bà H đã được dồn điền đổi thửa có diện tích cụ thể;

Thửa đất số 185 có diện tích 378,6m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 67; Thửa đất số 146 tờ bản đồ số 67 có diện tích 267,1m<sup>2</sup>; Thửa đất số 196, tờ bản đồ số 66, có diện tích 1.401,1m<sup>2</sup> Cả 3 thửa đất đều có địa chỉ tại thôn Ngọc Thành 2, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Theo Quyết định số 1025 ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang thì giá đất trồng lúa của bà H và ông S có giá 50.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 71 , 234 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 59, điều 62 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 40; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị H.

Giao cho bà H được quản lý, sử dụng diện tích tổng diện tích 1.535,7m<sup>2</sup> (trong đó 890m<sup>2</sup> diện tích đất ở đồng Chiêm; 378,6m<sup>2</sup> và 267,1m<sup>2</sup> đất ở khu vực đồng Mùa) tại thôn Ngọc Thành 2, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa.

Giao cho ông Nguyễn Tuấn S quản lý, sử dụng 511m<sup>2</sup> tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 66 khu vực đất đồng Chiêm thuộc thôn Ngọc Thành 2, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa.

Về án phí: Bà Đào Thị H phải chịu 3.839.000đ án phí chia tài sản nhưng được trừ 1.250.000đ tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Hện Hiệp Hòa bà H còn phải chịu 2.589.000 đồng; ông Nguyễn Tuấn S phải chịu 1.277.000 đồng án phí chia tài sản. Hoàn trả anh Nguyễn Văn L số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007717 ngày 26/11/2021, hoàn trả anh Nguyễn Văn T số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007716 ngày 26/11/2021.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2018, bà Đào Thị H khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với ông Nguyễn Tuấn S (HKTT: xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang); nơi ở hiện nay: Thôn 5A, xã Ea Ô, Hện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk), tài sản bà H yêu cầu chia gồm 03 thửa đất tại thôn Ngọc Thành 2, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Hện Hiệp Hòa đã ủy thác tư pháp cho Tòa án nhân dân Hện Ea Kar tiến hành lấy lời khai của bị đơn là ông S, tuy nhiên việc lấy lời khai không thực hiện được do ông S thường xuyên không có mặt tại địa phương. Qua nhiều lần xác M, ngày 05/3/2020, thôn 5A, xã Ea Ô xác định “hiện nay tại thôn 5A, xã Ea Ô, Hện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk không có ai tên là Nguyễn Tuấn S, sinh năm 1969”. Ngày 12/3/2021, Tòa án tiến hành xác M tại Công an xã Ea Ô xác định “Ông Nguyễn Tuấn S, sinh năm 1969 không có đăng ký hộ khẩu thường trú và không có đăng ký tạm trú tại thôn 5A, xã Ea, Hện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2017 ông S có đăng ký lưu trú ở thôn 5A, xã Ea Ô vài ngày và từ thời gian đó đến nay không có mặt tại địa phương. Biên bản xác M ngày 10/9/2019 do phó trưởng Công an cung cấp cho rằng ông Nguyễn Tuấn S có đăng ký tạm trú tại thôn 5A, xã Ea Ô là không đúng”. Tại biên bản xác M ngày 23/4/2020, Trưởng Công an và Phó trưởng công an xã Ea Ô khẳng định “từ năm 2013 đến nay ông Nguyễn Tuấn S không đăng ký tạm trú tại thôn 5 A, xã Ea Ô, Hện Ea Kar. Năm 2012, ông S có đăng ký lưu trú tại địa chỉ này từ ngày 06/01/2012 đến ngày 05/02/2012 và năm 2017 có đến lưu trú vài ngày”. Mặt khác, ngày 27/3/2020, bà Lê Thị Hiền(vợ ông S) cho rằng “bà và ông S có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau nhưng ông S không đăng ký tạm trú tại 5A, xã Ea Ô, Hện Ea Kar. Ông Nguyễn Tuấn S chỉ có đăng ký tạm trú thời gian từ năm 2012 đến năm 2013, sau đó không đăng ký nên tại biên bản xác M ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân Hện Ea Kar bà Hiền xác định ông S có đăng ký tạm trú là do nhớ nhầm. Hiện ông S làm thợ xây tại thành phố Hồ Chí M bà không xác định được địa chỉ cụ thể. Tại biên bản xác M ngày 04/6/2020, công an xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa xác nhận: ông S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Ngọc S nhưng chưa cắt khẩu đi, thực tế gia đình ông S đã cHển vào thành phố Buôn Mê Thuật làm ăn , sinh sống từ năm 1993 đến nay. Hiện nay ở địa phương ông S chỉ có diện tích đất nông nghiệp được giao từ năm 1992 do bà M (mẹ kế của ông S) quản lý, chứ không có nhà và đất ở. Như vậy, có thể xem đây là trường hợp nguyên đơn không biết địa chỉ nơi cư trú, làm việc của bị đơn. Căn cứ quy định tại điểm a, khoản 1 điều 40 BLTTDS năm 2015 thì bà H có quyền lựa chọn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Hện Hiệp Hòa (nơi bị đơn có tài sản) cho việc chia tài sản và bà H đã chọn khởi kiện tại Tòa án Hện Hiệp Hòa và Tòa án nhân dân Hện Hiệp Hòa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

**[2]. Về quan hệ tranh chấp:**

Bà Đào Thị H và ông Nguyễn Tuấn S kết hôn năm 1989 và có hai con chung là anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992, từ khi kết hôn đến năm 1992 bà H và ông S sinh sống tại thôn Ngọc Thành 2, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa và năm 1992 gia đình bà H được chia 04 định suất ruộng đất nông nghiệp đến năm 1993 thì gia đình bà H, ông S chuyển vào thành phố Buôn Mê Thuột sinh sống có giao lại số ruộng trên cho bà M và bà Yến quản lý sử dụng; Năm 2011, bà H và ông S giải quyết ly hôn và chưa có yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Ngày 18/12/2018 bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Hện Hiệp Hòa giải quyết phân chia tài sản chung gồm 03 thửa đất nông nghiệp của gia đình được giao từ năm 1992 tại xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa; anh L và anh T (con trai bà H, ông S) có yêu cầu được chia ruộng theo định suất và đề nghị giao cho bà H quản lý, sử dụng là có căn cứ và cần được chấp nhận. Năm 2016 địa phương tiến hành dồn điền, đổi thửa và kết quả thẩm định tại chỗ thì xác định bà H và ông S được sử dụng số diện tích đất nông nghiệp gồm: Thửa đất số 185 có diện tích 378,6m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số; Thửa đất số 146 tờ bản đồ số 67 có diện tích 267,1m<sup>2</sup>; Thửa đất số 196, tờ bản đồ số 66, có diện tích 1.401,1m<sup>2</sup>. Các thửa đất đều ở tại thôn Ngọc Thành 2, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tổng diện tích của 3 thửa đất trên là: 2.046m<sup>2</sup> chia đều cho 4 định suất thì mỗi người được chia là 511m<sup>2</sup>; để đảm bảo ổn định canh tác thì nay cần chia cho ông S 511m<sup>2</sup> trong tổng số diện tích 1.401,1m<sup>2</sup> tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 66; diện tích còn lại là 1.535,7m<sup>2</sup> giao cho bà H quản lý, sử dụng (trong đó 890m<sup>2</sup> diện tích đất ở đồng Chiêm; 378,6m<sup>2</sup> và 267,1m<sup>2</sup> đất ở khu vực đồng Mùa).

-Về chi phí thẩm định giá hết số tiền 2.300.000 đồng ; chi phí đăng thông báo hết 5.000.000đồng, nay bà H xin chịu cả nên không xem xét.

-Về án phí: Bà H, ông S phải chịu án phí với phần tài sản (diện tích đất nông nghiệp) được chia cụ thể; Bà H được chia 1.535,7m<sup>2</sup> x 50.000 đồng/1m<sup>2</sup> x 5% = 3.839.000đ; ông S phải chịu 511m<sup>2</sup> x 50.000đ/1m<sup>2</sup> x 5% = 1.277.000 đồng. Trả lại anh T, anh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Hện Hiệp Hòa.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 59, điều 62 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 40; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị H.

Giao cho bà H được quản lý, sử dụng diện tích tổng diện tích 1.535,7m<sup>2</sup> (trong đó 890m<sup>2</sup> diện tích đất tại thửa số 196, tờ bản đồ số 66 tại thôn Ngọc Thành

2, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang có các cạnh thửa là hình A3A4A5A6A7 (có sơ đồ kèm theo); thửa số 185, tờ bản đồ số 67 diện tích 378,6m<sup>2</sup> và thửa số 146, tờ bản đồ 67 diện tích 267,1m<sup>2</sup> tại thôn Ngọc Thành 2, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa (có sơ đồ kèm theo).

Giao cho ông Nguyễn Tuấn S quản lý, sử dụng 511m<sup>2</sup> tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 66 tại thôn Ngọc Thành 2, xã Ngọc S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang có các cạnh thửa theo sơ đồ là A1A2A6A7A8 (có sơ đồ kèm theo).

Về án phí: Bà Đào Thị H phải chịu 3.839.000đ án phí chia tài sản nhưng được trừ 1.250.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000957 ngày 08/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự Hện Hiệp Hòa bà H còn phải nộp 2.589.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Nguyễn Tuấn S phải chịu 1.277.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản sau ly hôn. Hoàn trả anh Nguyễn Văn L số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007717 ngày 26/11/2021, hoàn trả anh Nguyễn Văn T số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007716 ngày 26/11/2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Hện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS Hện Hiệp Hòa;
- UBND xã Ngọc S;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Oanh**